TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 14-6-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mang Thị N, sinh năm 1984; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Thái Văn T, sinh năm 1980; có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Mang Thị N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 2015. Vợ chồng sống chung với gia đình cha, mẹ anh T. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt từ năm

2018, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến cuộc sống của vợ, con mặc dù chị đã nhiều lần khuyên anh T. Ngoài ra, chị và mẹ anh T đã nhiều lần cải nhau, mẹ anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà. Tháng 5-2018, chị và các con về nhà cha, mẹ chị sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung: Thái Văn P, sinh ngày 23-4-2016 và Thái Tấn L, sinh ngày 13-01-2018 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thái Văn T trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Trong thời gian ly thân, anh không đặt vấn đề đoàn tụ với chị N. Hiện tại, anh chưa có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nay anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Mặc dù, trong thời gian anh và chị N sống ly thân, chị N nuôi dưỡng các con rất tốt. Tuy nhiên, khi ly hôn anh yêu cầu chị N giao cháu P cho anh nuôi dưỡng, chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Anh và chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mang Thị N và anh Thái Văn T.

Về con chung: Giao cháu P và cháu L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 5-2018 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Xét thấy từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay, chị N đã nuôi dưỡng cháu Thái Văn P, sinh ngày 23-4-2016 và cháu Thái Tấn L, sinh ngày 13-01-2018 rất tốt như anh T đã thừa nhận. Xét thấy, các cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ và để ổn định cuộc sống cho các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu L. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu L mỗi tháng số tiền 700.000 đồng/cháu là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của anh T yêu cầu chị N giao cháu P cho anh nuôi dưỡng, chị N tiếp tục nuôi cháu L. Anh và chị N không cấp dưỡng nuôi con là không có cơ sở chấp nhận như đã phân tích trên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mang Thị N và anh Thái Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Mang Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Văn P, sinh ngày 23-4-2016 và cháu Thái Tấn L, sinh ngày 13-01-2018.

Buộc anh Thái Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Thái Văn P, sinh ngày 23-4-2016 và Thái Tấn L, sinh ngày 13-01-2018 mỗi tháng số tiền 700.000 đồng/cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu P, cháu L đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Mang Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016846 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Thái Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho chị N, anh T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã C;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Ngọc Đững